CHỦ QUYỀN NAM BỘ TRONG MỐI QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM VÀ PHÁP (1945 - 1947)

VÕ VĂN THẬT*

1. Sự trở lại xâm lược của thực dân Pháp ở Nam Bộ

Từ Hòa ước Giáp Tuất (1874) đến năm 1945, Nam Bộ là xứ thuộc địa, một lãnh thổ hải ngoại của thực dân Pháp. Trong gần ¾ thế kỷ, thực dân Pháp thiết lập chính sách cai trị trực tiếp tại đây, xây dựng một hệ thống pháp luật, giáo dục, văn hóa... mang đậm dấu ấn của Pháp. Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai, chế độ thuộc địa của Pháp ở Đông Dương nói chung và Nam Bộ nói riêng bị lung lay. Tuy nhiên, nhà cầm quyền Pháp chưa bao giờ có ý định từ bỏ thái độ thực dân ở Đông Dương. Khi chính phủ Pétain ở Pháp đầu hàng phát xít Đức, tướng Charles de Gaulle thành lập chính phủ lưu vong ở Anh, kêu gọi người dân Pháp và các thuộc địa Pháp tiếp tục chiến đấu chống phát xít Đức. Ngày 3-6-1943, Ủy ban Giải phóng Quốc gia Pháp được thành lập tại Algérie (thuộc địa Pháp ở Bắc Phi) do De Gaulle và Henri Giraud làm đồng chủ tịch. Tháng 9-1943, Ủy ban này cử tướng René Blaizot phụ trách Đạo quân viễn chinh Pháp tại Viễn Đông, nhắm đến việc giành lại các thuộc địa ở Đông Dương (1). Đầu tháng 12-1943, từ Algérie, Ủy ban Giải phóng Quốc gia Pháp ra thông báo về chính sách đối với các nước Đông Dương, có đoạn: "...Nước Pháp đồng ý ban hành, trong lòng cộng đồng Pháp, một quy chế chính trị mới mà, trong khuôn khổ của tổ chức liên bang, những quyền tự do của các nước khác nhau trong Liên hiệp sẽ được nới rộng và xác lập; tính chất tự do rộng rãi của các chế độ sẽ được nhấn mạnh mà không mất dấu hiệu của nền văn minh và truyền thống Đông Dương; những người Đông Dương, cuối cùng, có thể nhận làm bất cứ công việc gì và chức vụ nào của Nhà nước... Sẽ có một cuộc cải cách quy chế kinh tế của cả Liên hiệp, trên căn bản tự trị về quan thuế và thuế khóa, sẽ bảo đảm sự phồn thịnh của Liên hiệp và góp phần vào sự phồn thịnh của các nước lân bang..." (2).

Quan điểm trên được đưa ra trong bối cảnh Pháp cần sự ủng hộ của các dân tộc thuộc địa cho cuộc đấu tranh chống phe phát xít. Sau khi nước Pháp được giải phóng, những tuyên bố có phần "cởi mở" đó không bao giờ được thực hiện. Ngày 1-2-1944, tướng Blaizot được lệnh của De Gaulle thành lập Lực lượng Viễn chinh Pháp tại Viễn Đông, gồm 2 lữ đoàn thuộc địa Madagascar, Cameroun và một đơn vị khinh binh ứng chiến (3). Tháng 8-1944, khi Paris được giải phóng khỏi phát xít Đức, chính phủ lâm thời ở Pháp được thành lập do De Gaulle đứng đầu. Từ thời điểm này, kế hoạch lập lại ách cai trị ở các thuộc

*TS. Trường Đại học Sài Gòn

địa cũ của Pháp ở châu Á, châu Phi... được những kẻ có tư tưởng thực dân trong chính phủ đẩy nhanh. Ngày 12-9-1944, De Gaulle chỉ định tướng Mordant làm Tổng đại diện của chính phủ Pháp ở Đông Dương và lập ra Ủy ban hành động giải phóng Đông Dương (sau đó nâng cấp lên thành Ủy ban liên bộ về Đông Dương) do Mordant làm Chủ tịch.

Ngày 9-3-1945, quân Nhật bất ngờ nổ súng và bắt giữ gần như toàn bộ quan chức, binh lính Pháp ở Đông Dương. Ngay sau đảo chính, Nhật Bản tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam, Bảo Đại nhân đó công bố bản "Tuyên ngôn độc lập" vào ngày 11-3-1945 và cử Trần Trọng Kim lập chính phủ mới. Đáp trả hành động của Bảo Đại, ngày 24-3, De Gaulle đưa ra bản tuyên bố về Đông Dương trong đó có đoạn: "Năm xứ tạo nên Liên bang Đông Dương được phân biệt bằng văn minh, chủng tộc và truyền thống, sẽ vẫn duy trì những đặc điểm riêng của họ trong Liên bang" (4). Tuyên bố này xác lập rõ thái độ của Pháp sau chiến tranh đối với Đông Dương. Cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, người Pháp vẫn không coi Việt Nam là một quốc gia thống nhất mà là ba vùng lãnh thổ tách biệt.

Nhà sử học Joseph Buttinger đề cập đến vấn đề này như sau: "Nói về năm "xứ" Đông Dương thuộc Pháp, De Gaulle đã thẳng thắn nói rằng người Pháp có ý muốn duy trì việc chia Việt Nam ra làm các xứ Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Năm xứ bao gồm cả Cao Miên và Ai Lao (mà mối liên hệ với Việt Nam chỉ là do quyền thống trị của người Pháp mà có) sẽ được quản trị bởi một chính quyền liên bang và một hội đồng với quyền được thông qua ngân sách của liên bang" (5).

Để cụ thể hóa tuyên bố trên, ngày 16-8-1945, De Gaulle cử tướng Leclerc làm Tổng chỉ huy đạo quân viễn chinh Pháp tại Đông Dương. Một ngày sau đó, ngày 17-8-1945, De Gaulle ký nghị định quy định vị trí Cao Ủy Pháp vào hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền thuộc địa và chỉ định Georges Thierry d'Argenlieu đảm nhận chức vụ này, kiêm chỉ huy các lực lượng quân sự Pháp ở Đông Dương. D'Argenlieu sang Đông Dương với chỉ thị: "Sứ mệnh hàng đầu của Cao ủy là lập lại chủ quyền của Pháp trên các lãnh thổ của Liên bang Đông Dương" (6).

Ngày 22-8-1945, Đại tá Cédile được De Gaulle cử làm Ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam Bộ nhảy dù xuống Tây Ninh và sau đó được quân Nhật đưa về Sài Gòn. Lúc này, Nhật Bản đã đầu hàng Đồng Minh nên không thể gây khó khăn gì cho sự trở lại Đông Dương của Pháp.

Cùng thời điểm Pháp gấp rút chuẩn bị cho việc trở lại xâm lược Đông Dương. Ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi trong phạm vi cả nước. Tại Sài Gòn, cuộc cách mạng giành được thắng lợi ngày 25-8-1945. Đến cuối tháng 8-1945, hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ lần lượt giành được chính quyền. Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ được thành lập, do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch. Chính quyền cách mạng đã thành lập 4 sư đoàn dân quân cách mạng đặt dưới quyền chỉ huy của Ủy trưởng Quân sự Trần Văn Giàu.

Ngày 6-9-1945, phái bộ Anh gồm khoảng 30 sĩ quan do một đại tá dẫn đầu từ Miến Điện đến Sài Gòn. Mục đích của nhóm này là chuẩn bị tiền trạm cho quân đội Anh vào miền Nam Việt Nam giải giáp quân đội Nhật. Đây là nhiệm vụ được quyết định bởi cuộc họp của các nước Đồng minh tại Hội nghị Posdam (1945). Ngày 12-9-1945, một đội quân Anh - Ấn dưới quyền chỉ huy của tướng Douglas Gracey tới Sài Gòn. Theo sau quân Anh là những đơn vị tiền tiêu của quân đội Pháp.

Trong thời gian hiện diện ở Sài Gòn, quân Anh luôn thể hiện rõ lập trường ủng hộ Pháp. Tướng Gracey đã tuyên bố với nhà báo Pháp: "Chúng tôi chỉ giúp cho Pháp là chừng nào có tàu để dùng chở quân đội Pháp. Hiện giờ tất cả tàu của chúng tôi đương dùng để chở tù binh và quân lính hồi hương. Vấn đề chính phủ ở Đông Dương là thuộc quyền của Pháp. Ở Bắc Đông Dương cũng phải hiện diện đúng một tình trạng như thế. Như vậy, việc người Pháp kiểm soát thường dân và quân sự ở Đông Dương chỉ là một vấn đề thời gian" (7).

Từ ngày 10-9-1945, tình hình Sài Gòn chuyển biến khẩn trương: quân Anh chiếm đóng dinh Hành chánh, thành phố bị giới nghiêm, các tờ báo bị đóng cửa, những kiều dân Pháp bị bắt trong ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), được thả và được phân phát vũ khi, Cédile nhậm chức Thống đốc Nam Kỳ, cờ Pháp xuất hiện công khai ở Sài Gòn; dân chúng được lệnh của ủy ban Hành chính tản cư ra vùng ngoại ô.

Nhà báo Trần Tấn Quốc đã mô tả về tình hình Sài Gòn vào thời điểm đó: "Kể từ ngày 11 tháng Chín, Tổng Tư lệnh quân đội Đồng minh đóng ở Sài Gòn đã hạ lệnh giới nghiêm, cấm dân chúng trong địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn ra đường từ 9 giờ tối đến 5 giờ sáng. Hôm nay trên các con đường lớn Sài Gòn, người ta ít thấy những cuộc biểu diễn của thanh niên. Người ta không còn nghe những câu hát hùng tráng của các đoàn thể cứu quốc. Trái lại, người ta nhìn thấy những tốp lính Anh - Ấn mang súng liên thanh rảo khắp phố phường. Thỉnh thoảng lại có một xe cam-nhông chở đầy người Pháp, cắm cờ tam sắc chạy rong trên các đường lớn với những tiếng hát vang. Ngoài hành động trên đây lại xảy ra nhiều chuyện khác như có vài người Pháp xé những thông cáo và bố cáo của Ủy ban Nhân dân ở các ngã ba đường, có những cuộc xung đột nhỏ giữa thanh niên và người Pháp" (8).

Ngày 19-9-1945, Cédile tổ chức một cuộc họp báo tại Sài Gòn, tại đây Cédile tuyên bố: "Việt Minh không đủ năng lực để duy trì trật tự. Vì vậy, ngay bây giờ chúng tôi phải giữ trật tự, rồi kế đó chúng tôi sẽ lập một chính phủ chiếu theo bản tuyên ngôn 24 Mars" (9). Tuyên bố này của Cédile như muốn đề cập đến việc thành lập ở Nam Bộ một chính phủ riêng, điều mà thực dân Pháp sẽ thực hiện vài tháng sau đó.

Sáng ngày 23-9-1945, Xứ ủy và Ủy ban Nhân dân Nam Bộ họp tại số nhà 629 trên đường Cây Mai, Chợ Lớn (nay là đường Nguyễn Trãi, quận 5). Tham dự cuộc họp có các đồng chí: Hoàng Quốc Việt (thay mặt cho Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh), Ung Văn Khiêm, Trần Văn Giàu, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Nguyễn… Sau khi đánh giá tình hình, Hội nghị đã quyết định phát động nhân dân đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp bảo vệ độc lập. Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ được thành lập do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch, kêu gọi nhân dân Nam Bộ kiên quyết đấu tranh chống trả đến cùng, các nhà máy, xí nghiệp thực hiện tổng bãi công, bãi thị, bất hợp tác với quân đội Pháp. Đến chiều cùng ngày, nhân dân Sài Gòn tổ chức đình công, đường phố không có xe chạy, chợ vắng bóng người, các hiệu kinh doanh đóng cửa, các ụ chiến đấu mọc lên khắp nơi.

Đêm 23-9-1945, các toán lính Pháp có sự hỗ trợ của quân Anh nổ súng tấn công đánh chiếm Sở Bưu điện, Sở Cảnh sát, Khám lớn, trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam bộ và trụ sở Quốc gia Tự vệ cuộc… Âm mưu của thực dân Pháp là lợi dụng lúc quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, nhanh chóng dùng lực lượng quân sự sẵn có đánh chiếm Sài Gòn và Nam Bộ, làm bàn

đạp đánh chiếm toàn bộ Việt Nam, lập lại chế độ thuộc địa và Liên bang Đông Dương.

Ngày 24-9-1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra lời hiệu triệu đồng bào cả nước đứng lên chống xâm lăng để bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc. Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà" (10). Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai chính thức bùng nổ ở Nam Bộ.

Lực lượng kháng chiến với vũ khí thô sơ vừa chống cự vừa lui về ngoại ô, lập thành 4 mặt trận bao vây Sài Gòn, dân chúng bỏ thành phố theo lệnh Chính phủ tản cư về các vùng nông thôn. Quân Pháp chiếm được một thành phố không điện, không nước, không lương thực, thực phẩm. Nhưng với sự giúp sức của quân Anh - Ấn và mới được tiếp viện quân từ châu Âu, quân Pháp ngày càng mở rộng phạm vi chiếm đóng, đánh nống ra vùng ngoại ô. Đầu tháng 10-1945, các đội quân của tướng Leclere đến Sài Gòn, tuyên bố sẽ bình định Nam Bộ. Ngày 9-10, quân Pháp chiếm Tây Ninh, ngày 25-10 chiếm Mỹ Tho và chưa đầy 5 ngày sau chiếm Gò Công, Vĩnh Long, Cần Thơ. Sau đó, Pháp tiếp tục đánh chiếm Long Xuyên, Sa Đéc, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá.

Ngày 28-1-1946, tướng Gracey chuyển giao quyền hành ở Nam Bộ cho quân đội Pháp. Ngày 6-2-1946, tướng Leclerc tuyên bố: "Cuộc hành quân đánh chiếm Nam Kỳ và Trung Nam Kỳ đã hoàn tất" (11). Tuy nhiên, trên thực tế, quân đội Pháp chỉ kiểm soát được các đô thị lớn. Tại phần lớn vùng nông thôn, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh, hoạt động diệt ác, trừ gian diễn ra thường xuyên. Bộ máy cai trị của Pháp ở các địa phương Nam Bộ chưa thể đàn áp được tinh thần kháng chiến của nhân dân. Sư đoàn số 9 thuộc địa Pháp (9e DIC) có nhiệm vụ truy quét đẩy lùi các toán Việt Minh, "nhưng không tiêu diệt được họ, thời gian và sức mạnh ấy không đủ để nó tác động đến dân chúng, quân số quá ít không đủ để kiểm soát toàn bộ lãnh thổ. Những cuộc hành quân bằng cơ giới, tàu đổ bộ được pháo binh yểm trợ, bao vây khép chặt lại một vùng rồi lục soát bắn giết. Quân lính phải đi theo bờ ruộng ngoằn ngoèo, chậm chạp. Dưới trời nắng gay gắt của khí hậu nhiệt đới khắc nghiệt, xung quanh là những làng mạc, cánh đồng hoang vắng... Đó là một cuộc chiến tranh "lạ lùng, vô lối nhưng đó là một cuộc chiến tranh thực sự mà hành động của họ mang lại nhiều tổn thất nặng nề cho quân đội Pháp... Cuộc hành quân tái chiếm đã kết thúc, nhưng cuộc bình định vẫn còn tiếp tục không biết đến bao giờ" (12).

Như vậy, quân Pháp dù tạm thời thắng thế về mặt quân sự ở Nam Bộ, nhưng còn phải đối đầu cuộc chiến tranh du kích của các lực lượng vũ trang kháng chiến. Ở chính quốc, cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam gây ra nhiều chia rẽ trong nội bộ chính phủ Pháp và các tầng lớp nhân dân với chính phủ; ngân sách của Pháp không gánh nổi chi phí chiến tranh. Pháp không đủ quân để tiến hành một cuộc chiến tranh, chiếm đóng trong phạm vi cả nước. Bởi vậy, để tập trung lực lượng quân đội viễn chinh cho chiến trường chính ở Bắc Bộ, nơi có cơ quan đầu não kháng chiến, Pháp phải dùng giải pháp chính trị ở Nam Bộ.

2. Từ Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ đến "Nam Kỳ tự trị"

Cùng với việc đẩy mạnh đánh chiếm trở lại các tỉnh Nam Bộ, những người cầm đầu chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương

tìm cách chia rẽ sự đoàn kết dân tộc. Để thực hiện âm mưu này, Đảng Nam Kỳ của Béziat được thành lập với mục đích vận động cho việc tách rời Nam Bộ khỏi Việt Nam (13).

Ngày 4-2-1946, d'Argenlieu ký Nghị định thành lập Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ, do Cédile chủ tọa, có 4 người Pháp, 8 người Việt. Các thành viên người Việt trong Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ là những người giàu có, điền chủ, chủ đồn điền, chủ ngân hàng, quyền lợi của họ đều gắn liền quyền lợi của người Pháp lúc bấy giờ. Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ trở thành một công cụ để thực dân Pháp xúc tiến thành lập một chính phủ riêng, chia cắt Nam Bộ khỏi Việt Nam.

Ngày 1-6-1946 tại Sài Gòn, Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ tự trị do Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng được thành lập. Tại lễ ra mắt, Nguyễn Văn Thinh tuyên bố Cộng hòa Nam Kỳ tự trị được Pháp công nhận là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng. Ngay sau đó, Nguyễn Văn Thinh cho xúc tiến thành lập Vệ binh Cộng hoà Nam Kỳ nhằm sử dụng lực lượng quân sự này để chống lại phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Bộ.

Tuy nhiên, trong khoảng hơn 5 tháng nắm ghế "Thủ tướng", Nguyễn Văn Thinh gần như không có bất kỳ quyền "tự trị" nào, "việc lựa chọn các thành viên của Chính phủ Nam Kỳ tự trị phải được Ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam Kỳ đồng ý; Ủy viên Cộng hòa Pháp có quyền can thiệp vào công việc an ninh, đối nội và đối ngoại... có quyền điều động quân đội Pháp trên toàn lãnh thổ Nam Kỳ tự trị..." (14). Ngoài không được trao bất kỳ quyền lực nào, Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ tự trị cũng không có văn phòng làm việc chính thức. Ngày 10-11-1946, Nguyễn Văn Thinh tự sát vì "bất lực trước những lời hứa hẹn" của thực dân Pháp.

Đầu tháng 12-1946, Lê Văn Hoạch được Pháp đưa lên làm Thủ tướng của Cộng hòa Nam Kỳ tự trị. Cũng như chính phủ của Nguyễn Văn Thinh trước đó, Lê Văn Hoạch gần như không có bất kỳ quyền lực nào trong các hoạt động đối nội và đối ngoại. Sự tồn tại của Chính phủ Nam Kỳ tự trị thực chất là để tiếp nối chính sách "chia để trị" của thực dân Pháp. Khi cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ, "Chính phủ Nam Kỳ tự trị" của Lê Văn Hoạch không còn phù hợp, thực dân Pháp đã xóa bỏ "công cụ" này để tìm một con bài khác cho cuộc chiến tranh xâm lược.

3. Cuộc đấu tranh pháp lý của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Đấu tranh bảo vệ chủ quyền Nam Bộ là một nhiệm vụ liên tục và không nhân nhượng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập, thống nhất của Việt Nam trước sự xâm lược của thực dân Pháp thể hiện rõ trong *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* ngày 26-9-1945, trong thư có đoạn: "Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng, Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà" (15).

Trong thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ ngày 22-10-1945, trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ: "tình hình Nam Việt Nam đòi hỏi sự can thiệp tức thời" và "vấn đề Nam Việt Nam phải được thảo luận tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Tư vấn Viễn Đông", đồng thời đề nghị một: "Ủy ban điều tra phải được cử tới Nam Việt Nam" (16). Tuy nhiên, Chính phủ, Bộ ngoại giao Hoa Kỳ không phản hồi các bức thư, công điện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ cuối năm 1945 đến đầu năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần đề cập đến Nam Bộ trong thư kêu gọi đồng bào Nam Bộ, thư gửi thanh niên Nam Bộ... Ngoài ca ngợi sự dũng cảm chiến đấu của nhân dân Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời cũng khẳng định, chính phủ và nhân dân cả nước đoàn kết cùng kháng chiến chống thực dân Pháp. Tại buổi báo cáo về việc thành lập Chính phủ kháng chiến trước kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa I (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho biết: "Trong 10 Bộ thì 2 Bộ Chính phủ để dành cho đại biểu đồng bào Nam Bộ... Trong lúc đại biểu Nam Bộ chưa đến, thì 2 Bộ đó anh em trong các đảng phái thỏa thuận cử những người mà quốc dân có tín nhiệm ra gánh vác..." (17).

Ngày 6-3-1946, Hiệp định Sơ bộ được ký kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Jean Sainteny. Theo Hiệp định Sơ bộ, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có Chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc thống nhất đất nước sẽ được quyết định bằng trưng cầu ý dân. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đồng ý để 15.000 quân Pháp vào thay quân Tưởng. Quân Pháp phải rút khỏi Việt Nam sau 5 năm, mỗi năm rút một phần năm. Quân đội hai bên ngừng bắn và ở nguyên vị trí. Đối với Nam Bộ, Pháp đồng ý thực hiện trưng cầu dân ý về việc tái thống nhất với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hiệp định Sơ bộ 6-3 chỉ mang tính chất là khung pháp lý, chưa phải văn bản pháp lý chính thức nên Bộ Ngoại giao Pháp chưa phê chuẩn cho đến khi có Hiệp ước chính thức giữa hai bên Việt - Pháp. Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ, đại diện của hai bên tiếp tục xúc tiến hội đàm tại Hội nghị trù bị Đà Lạt (từ ngày 19-4 đến ngày 11-5-1946). Phái đoàn Pháp do Max André dẫn đầu tiếp tục bám giữ lập trường thực dân, đòi tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, không thừa nhận quyền ngoại giao độc lập của Việt Nam, nhằm lập lại chế độ thực dân ở Đông Dương. Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Võ Nguyên Giáp dẫn đầu đã vạch trần âm mưu của Pháp, kiên quyết giữ vững lập trường hòa bình, độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, thân thiện với nhân dân Pháp trên nguyên tắc bình đẳng, không xâm phạm chủ quyền của nhau. Do những bất đồng của hai bên, hội nghị trù bị Đà Lạt kết thúc mà không đạt được kết quả gì.

Ngày 31-5-1946, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã lên đường sang Pháp dự đàm phán chính thức giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp tại Fontainebleau. Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp theo lời mời chính thức của Chính phủ Pháp. Cùng thời điểm này, tại Sài Gòn, Chính phủ Nam Kỳ tự trị của Nguyễn Văn Thinh được thành lập. Việc cho ra đời Chính phủ Nam Kỳ tự trị là hành động phủ nhận Hiệp định Sơ bộ 6-3 của những kẻ theo đuổi chính sách thực dân tại Đông Dương, đồng thời cũng là một cách để phá hoại cuộc đàm phán giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Pháp tại Hội nghị Fontainebleau.

Trước hành động của thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* đăng trên Báo *Cứu Quốc* ngày 1-6-1946 đã khẳng định: "Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi" (18). Trên Báo *Sự Thật*, Số 40, ngày 15-6-1946, cũng đăng bài viết phê phán những kẻ có đầu óc thực dân đang muốn chia rẽ Việt Nam: "Những đầu óc

phản động thuộc địa ở Đông Dương cố ý làm trái Hiệp định Sơ bộ mà Pháp đã ký với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Họ nặn ra thuyết "Nam Kỳ tự trị" và mua chuộc một bọn Việt gian để thực hành thuyết đó. Bọn tự trị cố ý quên rằng về khắp các mặt lịch sử, địa dư, văn hóa, kinh tế, nước Việt Nam gồm có 3 kỳ, là một khối thống nhất, một quốc gia không thể chia ra được. Sự thật quốc gia Việt Nam, cũng như các quốc gia độc lập và thống nhất khác, là "một khối vững chắc sinh thành trên lịch sử về ngôn ngữ, lãnh thổ, sinh hoạt kinh tế, cấu tạo tâm lý biểu lộ trong một khối thống nhất về văn hóa. Tách Nam Bộ ra khỏi quốc gia Việt Nam tức là một chủ trương mù quáng, không đúng sự thật hiển nhiên trên đây" (19).

Ngày 2-7-1946, tại buổi tiệc chiêu đãi do Chính phủ Pháp tổ chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lời đáp từ Thủ tướng Pháp Bidault đã có ẩn ý về một nước Việt Nam thống nhất, qua trải nghiệm về nước Pháp: "Khi chưa gặp được Chính phủ Pháp, tôi có dịp đi thăm một vùng nước Pháp, trông thấy phong cảnh tốt tươi, xét rõ nhân tình, phong tục. Tôi đã ở qua xứ Basque, dân ở đó tuy giữ trọn tiếng nói, văn chương và phong tục của họ, nhưng họ vẫn tự hào là dân Pháp. Các tỉnh Pháp khác nhau nhiều, nhiều đến nỗi làm cho thế giới lạ lùng, nhưng sự khác nhau đó không ngăn trở nước Pháp là một nước thống nhất" (20).

Ngày 6-7-1946, Hội nghị Fontainebleau được tổ chức, trong diễn văn tại phiên khai mạc, Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng đã lên án gay gắt việc thành lập chính phủ Nam Kỳ tự trị. Cuộc đàm phán giữa hai bên trở nên khó khăn, khi Pháp không muốn từ bỏ thái độ thực dân của họ. Trong những ngày còn lưu lại ở trên đất Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có hàng chục cuộc hội đàm, gặp gỡ với các nhân vật trong Chính phủ, Quốc hội và các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội, các nhà hoạt động văn hóa, khoa học, nghệ thuật nổi tiếng và bà con Việt kiều; tổ chức nhiều cuộc họp báo, trả lời phỏng vấn báo chí quốc tế. Tại các cuộc họp báo, ngoài việc đề cập đến những vấn đề liên quan đến mối quan hệ Việt Nam -Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần sử dụng diễn đàn này để tuyên bố về chủ quyền của Việt Nam với Nam Bộ. Tại cuộc họp báo ở khách sạn Royal Monceau ngày 12-7, trả lời câu hỏi: Nếu Nam Kỳ từ chối không sáp nhập vào Việt Nam? Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Nam Kỳ cùng một tổ tiên với chúng tôi, tại sao Nam Kỳ lại không muốn ở trong đất nước Việt Nam? Người Baxcơ (Basques), người Brơtôn (Breton) không nói tiếng Pháp mà vẫn là người Pháp. Người Nam Kỳ nói tiếng Việt Nam, tại sao lại còn nghĩ đến sự cản trở việc thống nhất nước Việt Nam?" (21).

Ngày 2-9-1946, trong bài diễn văn tại lễ kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tổ chức tại Paris, Chủ tịch Hồ Chí Minh trước đại diện kiều bào và đại diện của nước Pháp đã một lần nữa nhắc đến vấn đề Nam Bộ: "Trong buổi tối hôm nay, làm sao chúng ta lại không nghĩ tới đồng bào Nam Bộ với một tình cảm trìu mến đặc biệt. Nguyện vọng tha thiết nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam là tổ quốc đang hồi sinh của chúng ta không bao giờ bị chia cắt và không gì chia cắt được" (22). Cùng ngày, trả lời phóng viên hãng thông tấn AFP, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về chỗ bế tắc trong cuộc đàm phán với Pháp: "Sự cản trở chính trong cuộc đàm phán Việt - Pháp là ở vấn đề trưng cầu dân ý ở Nam Bộ. Chúng tôi muốn rằng ngày giờ và phương thức của cuộc

trưng cầu dân ý đó phải được định đoạt một cách nhanh chóng và phải có đủ các đảm bảo để dân chúng Nam Bộ được tự do phát biểu ý kiến của họ" (23).

Trong thư gửi nhân dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Tôi tin rằng, chúng tôi sẽ đến nước Pháp, chỉ có một trở lực ngăn cản chúng tôi nhanh chóng đi đến thỏa thuận là vấn đề Nam Bộ. Trong khi mọi người muốn thống nhất nước Pháp, Việt Nam và những nước khác thành một khối thì âm mưu tách Nam Bộ, một bộ phận khăng khít của Việt Nam ra khỏi Việt Nam là mâu thuẫn vô lý. Những người dân Nam Bộ biểu thị nguyện vọng thiết tha của mình là thống nhất với những người anh em Việt Nam lại hiện đang chịu sự khủng bố của Pháp. Việc đó phá hoại không khí hữu nghị mà chúng tôi tạo nên" (24).

Sau hơn hai tháng đàm phán, Hội nghị Fontainebleau không đi đến kết quả do phía Pháp không thực tâm đàm phán. Tình hình ở Việt Nam ngày càng căng thẳng, nguy cơ nổ ra xung đột ngày càng rõ rệt. Để có thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến và làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ hơn về thiện chí của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định nán lại nước Pháp thêm thời gian, trực tiếp gặp và đàm phán với Marius Moutet, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc ở Hải ngoại (thường gọi là Bộ Thuộc địa). Ngày 15-9-1946, tại nhà riêng của Marius Moutet, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Moutet đã ký bản Tạm ước 14-9-1946 gồm 11 điều khoản có tính chất nguyên tắc và sau này sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán cụ thể hóa. Tạm ước 14-9-1946 quy định hai bên sẽ tiếp tục cuộc đàm phán, sẽ cùng ấn định thể thức trưng cầu dân ý ở Nam Bộ và đảm bảo các quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ.

Trong kỳ họp Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào cuối tháng 10 đầu tháng 11-1946, cụ Nguyễn Văn Tố, Trưởng ban Thường trực Quốc hội đã khẳng định: "với sự hy sinh của đồng bào Nam Bộ, với sự quyết tâm của toàn thể quốc dân Việt Nam, nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất, Trung Nam Bắc một khối như xưa". Cũng trong kỳ họp này, Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành Hiến pháp đầu tiên, trong đó khẳng định: "Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung, Nam, Bắc không thể phân chia" (25).

Cuối tháng 12-1946, khi thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước và cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam bùng nổ, những điều khoản của Hiệp định Sơ bộ 6-3, Tạm ước 14-9 không còn có giá trị. Để giữ độc lập và thống nhất, nhân dân Việt Nam buộc phải cầm súng chiến đấu chống lại kẻ thù. Từ thời điểm này, giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Pháp không còn có các cuộc tiếp xúc, đàm phán chính thức. Mỗi bên có các biện pháp khác nhau để đạt được mục đích ở Nam Bộ.

Về phía Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ, thống nhất Xứ ủy Nam Bộ, Ủy ban Hành chánh Kháng chiến tiếp tục lãnh đạo nhân dân, xây dựng lực lượng ba thứ quân, chính quyền, đoàn thể, Mặt trận tiếp tục kháng chiến. Bên cạnh đó, trong một số cuộc trả lời phỏng vấn phóng viên nước ngoài tại Chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh tranh thủ nêu quan điểm về sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Trong lần trả lời ông Vasidev Rao, thông tín viên hãng Reuter (5-1947) về việc trưng cầu dân ý ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Trước kia, chúng tôi đã bằng lòng nhận phương sách đó. Ngày nay, chúng tôi không thể nhận được nữa, đồng bào chúng tôi ở Nam Kỳ đã chịu sự hy sinh to lớn để

được ở trong Tổ quốc Việt Nam. Chúng tôi không thể phản bội họ được" (26). Tại cuộc phỏng vấn ngày 19-8-1947, khi nêu ý kiến về việc có một bộ phận người Pháp ở đây muốn lập một chính phủ tay sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho rằng: "Một số thực dân phản động có thể có mưu mô đó. Nhưng Cao ủy Bollaert là một nhà đại chính trị, chắc ông thừa biết các kinh nghiệm Chính phủ bù nhìn ở Nam Bộ, nó đã không giải quyết được gì, mà chỉ làm kéo dài cuộc chiến tranh và ngăn trở sự thân thiện giữa hai dân tộc Việt - Pháp. Không lẽ một người sáng suốt như Cao ủy Bollaert lại đi theo con đường đó" (27).

Về phía thực dân Pháp, cuộc xâm lược càng về cuối năm 1947 càng khiến quân đội Pháp bị sa lầy. Thất bại trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, buộc giới cầm quyền Pháp phải thay đổi chiến lược chiến tranh từ chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" chuyển sang chiến lược "đánh kéo dài"; từ dùng lực lượng quân sự là chủ yếu chuyển sang dùng chiến tranh tổng lực, kết hợp cả quân sự, chính trị và kinh tế, thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Sau khi Chính phủ Nam Kỳ tự trị được lập ra mà không có tác dụng gì cho cuộc chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp tìm đến Bảo Đại như một giải pháp để thoát khỏi tình thế "tiến thoái lưỡng nan" ngày càng tăng ở Việt Nam. Chính sách của Pháp ở thời điểm này nhằm tạo ra ở Việt Nam hai lực lượng đối địch nhau: khối "Cộng sản" và khối "Quốc gia", cả trong kháng chiến và ngoài kháng chiến, để "gây ra một thứ nội chiến giữa người Việt Nam với nhau" (28). Thực dân Pháp cũng cử người liên hệ với Bảo Đại để đưa ra các điều kiện hợp tác. Ngày 7-12-1947, Bảo Đại và Bollaert (Cao ủy Pháp tại Đông Dương thay cho d'Argenlieu) gặp nhau trên tàu chiến Pháp ở Vịnh Hạ Long để ký kết Hiệp ước Vịnh Hạ Long. Hiệp ước thể hiện sự đồng thuận của hai bên về việc thành lập Quốc gia Việt Nam trên cơ sở nguyên tắc "độc lập và thống nhất" của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp. Đổi lại, Pháp thừa nhận nền "độc lập" của Việt Nam và hứa sẽ không ngăn cản sự thống nhất.

Ngày 26-3-1948, Bảo Đại thành lập Chính phủ lâm thời do Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng. Ngày 5-6-1948, Bollaert và Nguyễn Văn Xuân với sự có mặt của Bảo Đại (để chứng kiến) gặp nhau ở vịnh Hạ Long để ký một hiệp định mới. Trong đó, nước Pháp "công khai và trịnh trọng" công nhận nền "độc lập" của Việt Nam, nhưng đặc biệt giữ lại quyền kiểm soát công tác đối ngoại, quân đội và sẽ chuyển giao các chức năng khác của chính phủ trong những cuộc điều đình sau này. Trên thực tế, "Chính phủ Bảo Đại chẳng được trao cho quyền hành gì" (29).

Sự ra đời của Quốc gia Việt Nam đánh dấu sự hoàn tất những toan tính của thực dân Pháp đối với vùng đất Nam Bộ. Điều này cho thấy rằng, những tính toán của người Pháp về một Nam Kỳ tự trị trong thời kỳ đầu xâm lược nó không có ý đồ gì khác ngoài phục vụ cho mưu đồ của những kẻ thực dân. Khi không thể chia cắt người Việt Nam về không gian địa lý, thực dân Pháp đã chia cắt bằng con người. Dù với chính sách nào, cũng chỉ để đạt được mục đích duy nhất là đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Bộ, duy trì chế độ thuộc địa đã lỗi thời.

4. Kết luận

Trong chiến tranh xâm lược, các thế lực ngoại xâm thường dùng nhiều thủ đoạn để xóa bỏ tính toàn vẹn lãnh thổ, chia rẽ khối đoàn kết, thống nhất dân tộc nhằm phục vụ lâu dài cho công cuộc thống trị các nước thuộc địa. Trường hợp chính sách của thực dân Pháp đối với chủ quyền ở Nam Bộ

Việt Nam cũng không vượt ra ngoài quy luật đó. Kể từ khi hoàn tất việc xâm lược vùng đất Nam Bộ cho đến khi bị buộc phải rút khỏi Việt Nam, thực dân Pháp chưa bao giờ từ bỏ ý định tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam để thiết lập nền thống trị lâu dài.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, dân tộc Việt Nam giành được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đại diện cho dân tộc Việt Nam thực hiện các chính sách đối nội, đối ngoại trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, ngay sau đó, thực dân Pháp đã đưa quân tái chiếm Nam Bộ và mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Sau khi đánh chiếm Nam Bộ, thực dân Pháp triển khai các chính sách nhằm thực hiện âm mưu chia tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết, mạnh mẽ và không nhân nhượng về chủ quyền đất nước ở Nam Bộ. Một mặt, lo củng cố chính quyền, giải quyết những khó khăn sau ngày đất nước độc lập, chi viện cho Nam Bộ ngay từ những ngày đầu kháng chiến, các đội quân Nam tiến thể hiện quyết tâm của chính phủ trước hành động hiếu chiến của thực dân Pháp. Mặt khác, trên mặt trận ngoại giao, chủ quyền Nam Bộ, độc lập, thống nhất luôn là một nguyên tắc bất biến của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên bàn hội nghị. Trong giai đoạn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các thư từ, công điện, các bài trả lời phỏng vấn báo chí đã thể hiện quan điểm nhất quán của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về không tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Sự mở rộng hành động xâm lược của thực dân Pháp và Toàn quốc kháng chiến của nhân dân Việt Nam kết thúc một giai đoạn, xen lẫn giữa chiến tranh và hòa bình, giữa các hoạt động quân sự và ngoại giao mà vấn đề Nam Bộ là trung tâm của cuộc đối đầu giữa Việt Nam và thực dân Pháp.

CHÚ THÍCH

(1), (2), (3). Philippe Devillers, *Histoire du Viêt-Nam de 1940 à 1952*, Editions Du Seuil, Paris 1952, tr.145, 23, 145.

(4). Martin Shipway, *The Road to War: France and Vietnam 1944-1947*, 2003, p.129

(5). Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political*, Praeger, 1968, tr.212.

(6). Philippe Devillers (1993), sđd, tr.131.

(7), (8), (9). Trần Tấn Quốc, *Sai Gon September 45*, Báo Việt Thanh xuất bản, Sài Gòn, 1947, tr.229, 32, 50.

(10). Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 4 *(1945-1946)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.29.

(11), (12). Ban Tổng kết chiến tranh Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn- Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.81, 82.

(13). Đoàn Thêm, *Hai mươi năm qua: Việc từng ngày (1945 - 1964)*, Nxb. Nam Tùng Chi, Sài Gòn, 1966, tr.16.

(14) Ngô Chơn Tuệ, *Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống âm mưu chia cắt Nam Bộ ra khỏi Việt Nam của thực dân Pháp giai đoạn 1945 - 1949*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học KHXH & NV Tp. Hồ Chí Minh, 2014, tr.39.

(15), (16), (17), (18). Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4 (1945-1946), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.29, 82, 221, 280.

(19) Báo Sự Thật, Số 40, ngày 15-6-1946 "Chính phủ Cộng hòa dân quốc Nam-kỳ tự trị"?, Thư viện Quốc gia Việt Nam.

(20), (21), (22), (23), (24). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4 (1945-1946), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.400, 315, 327, 331, 361.

(25). *Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ (1946, 1959, 1980, 1992, 2001),* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.14

(26), (27). Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 5 (1947 - 1948), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.162, 220.

(28). Philippe Devillers (1993), sđd, tr.487.

(29). Archimedes L.A.Patti, *Tại sao Việt Nam?* (Lê Trọng Nghĩa dịch), Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr.469.